**I. LÝ THUYẾT**

**TRUNG QUỐC**

**Câu 1.** Diện tích của Trung Quốc đứng sau các quốc gia nào sau đây?

**A.** LB Nga, Ca-na-đa, Ấn Độ B. LB Nga, Ca-na-đa, Hoa Kì.

C. LB Nga, Ca-na-đa, Bra-xin. D. LB Nga, Ca-na-đa, Ô-xtrây-li-a.

**Câu 2.** Biên giới Trung Quốc với các nước chủ yếu là

**A.** Núi cao và hoang mạc.B. Núi thấp và đồng bằng. C. Đồng bằng và hoang mạc. D. Núi thấp và hoang mạc.

**Câu 3.** Các đồng bằng ở miền Đông Trung Quốc theo thứ tự từ Bắc xuống Nam là:

A. Hoa Bắc, Đông Bắc, Hoa Trung, Hoa Nam. **B.** Đông Bắc, Hoa Bắc, Hoa Trung, Hoa Nam.

C. Đông Bắc, Hoa Bắc, Hoa Nam, Hoa Trung. D. Đông Bắc, Hoa Nam, Hoa Bắc, Hoa Trung.

**Câu 4.** Đồng bằng nào chịu nhiều lụt lội nhất ở miền Đông Trung Quốc?

A. Đông Bắc.       B. Hoa Bắc. C. Hoa Trung**.       D.**Hoa Nam.

**Câu 5.** Các kiểu khí hậu nào chiếm ưu thế ở miền Đông Trung Quốc?

**A.** Cận nhiệt đới gió mùa và ôn đới gió mùa. B. Nhiệt đới gió mùa và ôn đới gió mùa.

C. Ôn đới lục địa và ôn đới gió mùa. D. Cận nhiệt đới gió mùa và ôn đới lục địa.

**Câu 6.** Khóang sản nổi tiếng ở miền Đông Trung Quốc là

A. Dầu mỏ và khí tự nhiên. B. Quặng sắt và than đá.

C. Than đá và khí tự nhiên.**D.** Các khoáng sản kim loại màu

**Câu 7.** Miền Tây Trung Quốc hình thành các vùng hoang mạc và bán hoang mạc rộng lớn là do

A. Ảnh hưởng của núi ở phía đông. B. Có diện tích quá lớn.

C. Khí hậu ôn đới hải dương ít mưa. **D.** Khí hậu ôn đới lục địa khắc nghiệt.

**Câu 8.** Địa hình miền Tây Trung Quốc:

A. Gồm toàn bộ các dãy núi cao và đồ sộ.

**B.** Gồm các dãy núi cao, các sơn nguyên đồ sộ xen lẫn các bồn địa.

C. Là các đồng bằng châu thổ rộng lớn, đất đai màu mỡ. D. Là vùng tương đối thấp với các bồn địa rộng.

**Câu 9.** Tài nguyên chính của miền Tây Trung Quốc là

A. Đất phù sa màu mỡ và các khoáng sản kim loại màu. B. Đất phù sa màu mỡ, rừng và đồng cỏ.

C. Rừng, đồng cỏ và các khoáng sản kim loại màu. **D.** Rừng, đồng cỏ và các khoáng sản.

**Câu 10.**Giữa miền Đông và miền Tây Trung Quốc không có sự khác biệt rõ rệt về

A. Khí hậu.       B. Địa hình. **C.** Diện tích.       D. Sông ngòi.

**Câu 11.** Dân tộc nào chiếm đa số ở Trung Quốc?

**A**. Dân tộc Hán.      B.Dân tộc Choang. C. Dân tộc Tạng.       D. Dân tộc Hồi.

**Câu 12.** Các dân tộc ít người phân bố chủ yếu ở khu vực nào của Trung Quốc?

A. Các thành phố lớn. B. Các đồng bằng châu thổ. **C.** Vùng núi và biên giới. D. Dọc biên giới phía nam.

**Câu 13.**Dân cư Trung Quốc tập trung chủ yếu ở miền Đông vì miền này

A. Là nơi sinh sống lâu đời của nhiều dân tộc. **B**. Có điều kiện tự nhiên thuận lợi, dễ dàng cho giao lưu.

C. Ít thiên tai. D. Không có lũ lụt đe dọa hằng năm.

**Câu 14.** Nguyên nhân chủ yếu làm cho tỉ suất gia tăng dân số tư nhiên của Trung Quốc ngày càng giảm là

**A**. Tiến hành chính sách dân số rất triệt để. B. Sự phát triển nhanh của y tế, giáo dục.

C. Sự phát triển nhanh của nền kinh tế. D. Tâm lí không muốn sinh nhiều con của người dân.

**Câu 15.** Một trong những tác động tiêu cực nhất của chính sách dân số rất triệt để ở Trung Quốc là

A. Làm gia tăng tình trạng bất bình đẳng trong xã hội **B**. Mất cân bằng giới tính nghiêm trọng.

C. Mất cân bằng phân bố dân cư. D. Tỉ lệ dân nông thôn giảm mạnh.

**Câu 16.** Trung Quốc thời kì cổ, trung đại không có phát minh nào sau đây?

A. La bàn.       B.Giấy. C. Kĩ thuật in.       **D.**Chữ la tinh.

**Câu 17:** Khu vực nào sau đây tập trung nhiều trung tâm công nghiệp của Trung Quốc ?

**A.** Miền Đông.B. Miền Tây.C. Đồng bằng Hoa Bắc.D. Đồng bằng Hoa Nam.

**Câu 18:** Những thay đổi quan trọng trong nền kinh tế Trung Quốc là kết quả của

A. Công cuộc đại nhảy vọt. B. Cách mạng văn hóa và các kế hoach 5 năm.

**C.** Công cuộc hiện đại hóa.D. Các biện pháp cải cách trong nông nghiệp.

**Câu 19:** Các xí nghiệp, nhà máy ở Trung Quốc được chủ động hơn trong việc lập kế hoạch sản xuất và tìm thị trường tiêu thụ sản phẩm là kết quả của

**A.** Chính sách mở cửa, tăng cường trao đổi hàng hóa với thị trường.

B. Thị trường xuất khẩu được mở rộng.

C. Quá trình thu hút đầu tư nước ngoài, thành lập các đặc khu kinh tế.

D. Việc cho phép công ti, doanh nghiệp nước ngoài vào Trung Quốc sản xuất.

 **Câu 20:**  Để thu hút vốn đầu tư và công nghệ của nước ngoài, Trung Quốc đã

A. Tiến hành cải cách ruộng đất.B. Tiến hành tư nhân hóa, thực hiện cơ chế thị trường.

**C.** Thành lập các đặc khu kinh tế, các khu chế xuất.D. Xây dựng nhiều thành phố, làng mạc.

**Câu 21:** Một trong những thế mạnh để phát triển công nghiệp của Trung Quốc là

A. Khí hậu ổn định.**B.** Nguồn lao động dồi dào, giá rẻ.

C. Lao động có trình độ cao.D. Có nguồn vốn đầu tư lớn.

**Câu 22:** Chính sách công nghiệp mới của Trung Quốc tập trung chủ yếu vào 5 ngành chính là:

A. Chế tạo máy, dệt may, hóa chất, sản xuất ô tô và xây dựng.

B. Chế tạo máy, điện tử, hóa chất, sản xuất ô tô và luyện kim.

C. Chế tạo máy, điện tử, hóa dầu, sản xuất ô tô và luyện kim.

**D.** Chế tạo máy, điện tử, hóa dầu, sản xuất ô tô và xây dựng.

**Câu 23:** Sự phát triển của các ngành công nghiệp nào sau đây góp phần quyết định việc rung Quốc chế tạo thành công tàu vũ trụ?

A. Điện, luyện kim, cơ khí.**B.** Điện tử, cơ khí chính xác, sản xuất máy tự động.

C. Điện tử, luyện kim, cơ khí chính xác.D. Điện, chế taọ máy, cơ khí.

**Câu 24:** Ngành công nghiệp nào sau đây phát triển mạnh ở Trung Quốc nhờ lực lượng lao động dồi dào ?

A. Chế tạo máy.**B.** Dệt may.C. Sản xuất ô tô.D. Hóa chất.

**Câu 25:**  Thành phố nào sau đây tập trung nhiều trung tâm công nghiệp lớn của Trung Quốc?

A. Nam Kinh.B. Quảng Đông.**C.** Thượng Hải**.**D. Thành Đô.

**Câu 26:** Cây trồng nào sau đây phát triển mạnh ở đồng bằng Đông Bắc của Trung Quốc?

A. Lúa mì, đỗ tương, thuốc lá.**B.** Lúa mì, ngô, củ cải đường.

C. Lúa gạo, mía, chè.D. Lúa gạo, chè, bông.

**Câu 27:** Ý nào sau đây biểu hiện cho nền kinh tế thị trường của Trung Quốc?

A. Phát triển các ngành công nghiệp có kỹ thuật cao.

**B.** Các xí nghiệp chủ động trong sản xuất.

C. Phát triển các ngành công nghiệp tận dụng nguyên liệu tại chỗ.D. Thu hút đầu tư nước ngoài.

**Câu 28:** Sản lượng nông sản nào sau đây của Trung Quốc đứng đầu thế giới?

**A.** Lương thực**.**B. Củ cải đường.C. Mía.D. Chè.

**Câu 29:**  Loại cây nào sau đây là nông sản chính của đồng bằng Hoa Trung và Hoa Nam?

A. Củ cải đường.B. Lúa mì.**C.** Lúa gạo**.**D. Thuốc lá.

**Câu 30:**  Thế mạnh nào sau đây giúp Trung Quốc phát triển ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng?

A. Khoa học công nghệ hiện đại.B. Thực hiện chính sách công nghiệp mới.

C. Chính sách mở cửa.**D.** Nguyên liệu sẵn có ở nông thôn.

**Câu 31:** Điều kiện nào sau đây giúp cho nền kinh tế Trung Quốc phát triển?

A. Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao.**B.** Mở rộng giao lưu buôn bán với nước ngoài.

C. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.D. Ứng dụng công nghệ cao trong công nghiệp.

**Câu 32:** Khi thực hiện chính sách công nghiệp mới, ngành nào sau đây không được Trung Quốc đầu tư?

A. Điện tử.**B.** Tin học**.**C. Sản xuất ô tô.D. Xây dựng.

**Câu 33:** Ý nào sau đây không đúng với đường lối hiện đại hoá công nghiệp của Trung Quốc?

A. Các nhà máy xí nghiệp chủ động kinh doanh.

B. Thu hút vốn kĩ thuật nước ngoài, tích cực mở rộng thị trường

**C.** Duy trì ờ mức bình thường ngành công nghiệp truyền thống, phát triển công nghiệp hiện đại.

D. Chủ động đầu tư, hiện đại hoá trang thiết bị, ứng dụng nghệ cao.

**ĐÔNG NAM Á**

**Câu 1:** Quốc gia có diện tích lớn nhất khu vực Đông Nam Á

A. Mianma B. Malaixia **C.** Inđônêxia D. Philippin

**Câu 2:** Bốn đồng bằng lớn ở Đông Nam Á lục địa được sắp xếp thứ từ Đông sang Tây như nào sau đây?

A. I-ra-oa-di, Mê-nam, Mê-công, sông Hong. B. Mê-công, sông Hồng, Mê-nam, I-ra-oa-di.

**C.** Sông Hồng, Mê-công, Mê-nam, I-ra-oa-di. D. Mê-nam, Mê-công, sông Hồng, I-ra-oa-di.

**Câu 3:** Địa hình chiếm diện tích lớn nhất trên lục địa của Đông Nam Á là

A. bồn địa.          B. đồng bằng.C. hoang mạc. **D.** đồi núi.

**Câu 4:** Ngành sản xuất tồn tại rất lâu dời và phổ biến ở Đông Nam Á là

**A.**trồng lúa nước.B. trồng cây công nghiệp.C. mộc Mĩ nghệ. D. làm đồ trang sức.

**Câu 5:** Khu vực có gió mùa đông lạnh tác động ở Đông Nam A thuộc các nước

A. Thái Lan, Lào. B. Cam-pu-chia, Phi-lip-pin.C. In-đô-nê-xi-a, Bru-nây. **D.** Mi-an-ma, Việt Nam.

**Câu 6:** Chế độ mưa ở các nước Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo diễn biến như thế nào sau đây?

A. Các nước lục địa mưa quanh năm, các nước hải đảo mưa theo mùa.

**B.** Các nước lục địa mưa theo mùa, các nước hải đảo mưa quanh năm.

C. Cả khu vực Đông Nam Á mưa quanh năm.D. Cả khu vực Đông Nam Á mưa theo mùa.

**Câu 7:** Các nước Đông Nam Á cần có sự hợp tác với nhau, để sử dụng hiệu quả tài nguyên nào sau đây?

A. Rừng nhiệt đới.B. Đất đồng bằng              **C.**Sông Mê-công, biển Đông**.**D. Cao nguyên đất đỏ badan

**Câu 8:**  Khu vực Đông Nam Á có vị trí cầu nối giữa lục địa Á – Âu với lục địa

A. Phi B. Nam Mỹ C. Bắc Mỹ **D.** Ôx-trây-li-a

**Câu 9:** Khu vực Đông Nam Á là nơi tiếp giáp giữa hai đại đương nào?

A. Thái Bình Dương và Bắc Băng DươngB. Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương

C. Đại Tây Dương và Thái Bình Dương **D.**Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương

**Câu 10:**  Đông Nam Á lục địa có khí hậu

A. xích đạo **B.** nhiệt đới gió mùaC. cận nhiệtD. ôn đới

**Câu 11:** Sông nào ở Đông Nam Á chảy qua năm quốc gia?

**A.** Mê Công.B. Mê Nam.C. Xa-lu-en.D. I-ra-oa-di.

**Câu 12:**  Đông Nam Á biển đảo nằm trong hai đới khí hậu:

A. cận nhiệt đới, nhiệt đới.B. nhiệt đới, xích đạo.**C.** nhiệt đới gió mùa, xích đạo.D. cận nhiệt đới, ôn đới.

**Câu 13:**  Khó khăn lớn nhất của dân số đông ở Đông Nam Á là

A. thu hút đầu tư nước ngoài.B. tiêu thụ hàng hóa.

**C.** giải quyết việc làm**.**D. cung cấp lao động cho các ngành kinh tế.

**Câu 14:** Những khó khăn về tự nhiên của khu vực Đông Nam Á trong phát triển kinh tế là

A. nghèo tài nguyên khoáng sảnB. không có đồng bằng lớn

C. lượng mưa quanh năm không đáng kể **D.** chịu ảnh hưởng nặng nề của các thiên tai

**Câu 15:**  Đông Nam Á lục địa không phải là khu vực

A. một phần lãnh thổ có mùa đông lạnh **B.** phần lớn có khí hậu xích đạo

C. giữa các dãy núi là các thung lũng rộngD. ven biển có các đồng bằng phù sa màu mở

**Câu 16:** Nước nào ở Đông Nam Á với 80% dân số theo đạo thiên chúa giáo?

A. Mi-an-maB. In-đô-nê-xi-aC. Bru- nây **D.** Phi-lip-pin

**Câu 17:** Một trong những lợi thế của hầu hết các nước Đông Nam Á là

A. Phát triển thủy điện.B. Phát triển lâm nghiệp.**C.** Phát triển kinh tế biển.D. Phát triển chăn nuôi.

**Câu 18:** Các nước Đông Nam Á có nhiều loại khoáng sản vì

A. Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa.B. Có nhiều kiểu, dạng địa hình.

**C.** Nằm trong vành đai sinh khoáng**.**D. Nằm kề sát vành đai núi lửa Thái Bình Dương.

**Câu 19:** Dân cư Đông Nam Á phân bố không đều, thể hiện ở

A. Mật độ dân số cao hơn mức trung bình của toàn thế giới.

B. Dân cư tập trung đông ở Đông Nam Á lục địa, thưa ở Đông Nam Á biển đảo.

**C.** Dân cư tập trung đông ở đồng bằng châu thổ của các sông lớn, vùng ven biển.

D. Dân cư thưa thớt ở một số vùng đất đỏ badan.

**Câu 20:** Một trong những hạn chế lớn của lao động các nước Đông Nam Á là

A. Lao động trẻ, thiếu kinh nghiệm. **B.** Thiếu lao động có tay nghề và trình độ chuyên môn cao.

C. Lao động không cần cù, siêng năng.D. Thiếu sự dẻo dai, năng động.

**Câu 21:** Ngành công nghiệp dựa trên thế mạnh của tài nguyên và nguyên liệu tại chỗ của hầu hết các nước khu vực Đông Nam Á

A. Ngành công nghiệp chế tạo ô tô, xe máyB. ngành công nghiệp hoá dầu, khai thác than,

**C.** ngành công nghiệp chế biến nông - lâm – thủy hải sản.

D. ngành công nghiệp khai thác quặng kim loại màu.

**Câu 22:** Quốc gia xuất khẩu nhiều thiêc ở Đông Nam Á và dẫn đầu thế giới là

**A.** Ma-lai-xi-a.B.  Thái Lan.       C. In-đô-nê-xi-aD. Việt Nam

**Câu 23:** Nước có trữ lượng than đá lớn nhất ở Đông Nam Á là

A. In-đô-nê-xi-a. **B.** Việt Nam.C. Mi-an-ma.D. Lào.

**Câu 24:** Nước có trữ lượng đồng nhiều nhất ở Đông Nam Á là

A. Việt Nam.       B. In-đô-nê-xi-a.**C.** Phi-lip-pin.D. Thái Lan.

**Câu 25:** Để sử dụng nguồn lao động đông đảo, tạo công ăn việc làm các nước Đông Nam Á tích cực phát triển ngành công nghiệp nào sau đây?

**A.** Công nghiệp dệt - chế biến nông sản.B. Công nghiệp khai khoáng, chế tạo xe hơi, cơ khí.

C. Công nghiệp hoá chất, dóng tàu, hoá dược.D. Công nghiệp điện - diện tử, tin học, luyện kim.

**Câu 26:** Nhận định nào sau đây không đúng với cơ cấu kinh tế ở các nước Đông Nam Á?

A. Khu vực I có tỉ trọng thấp nhất **B.** Khu vực I có tỉ trọng cao nhất.

C. Khu vực III có tỉ trọng cao nhất.D. Khu vực II có tỉ trọng lớn hơn khu vực I.

**Câu 27:** Ngành nào sau đây không phải là ngành quan trọng trong sản xuất nông nghiệp ở các nước Đông Nam Á?

**A.** Trồng lúa mì**.**B. Trồng lúa nước.C. Chăn nuôi gia súc, gia cầm.D. Đánh bắt, nuôi trồng thủy, hải sản.

**Câu 28:** Ngành nào sau đây giữ vị trí quan trọng trong sản xuất nông nghiệp ở các nước Đông Nam Á?

A. Trồng lúa mì.**B.** Trồng lúa nước.C. Chăn nuôi gia súc, gia cầm.D. Đánh bắt, nuôi trồng thủy, hải sản.

**Câu 29:** Sản phẩm từ cây công nghiệp ở các nước Đông Nam Á chủ yếu để

**A.** xuất khẩu thu ngoại tệ.B. làm nguyên liệu chế biến tại chỗ.

C. làm quà lưu niệm.D. làm thức ăn cho chăn nuôi.

**Câu 30:** Ngành kinh tế nào sau đây có lợi thế và đang phát triển ở các nước Đông Nam Á?

A. Chăn nuôi.B. Trồng trọt.**C.** Đánh bắt, nuôi trồng thủy, hải sản.D. Khai thác, chế biến khoáng sản.

**Câu 31:** Quốc gia nào sau đây có ngành dịch vụ hàng hải phát triển nhất khu vực Đông Nam Á?

A. In – đô – nê – si – a.B. Thái Lan.C. Việt Nam.**D.** Xin – ga – po.

**Câu 32:** Quốc gia nào sau đây có nền kinh tế phát triển nhất khu vực Đông Nam Á?

A. In – đô – nê – si – a.B. Thái Lan.C. Việt Nam. **D.** Xin – ga – po.

**Câu 33:** Lượng điện bình quân/đầu người cao nhất khu vực Đông Nam

A. Thái Lan.        **B.**Xin-ga-po.C. Mi-an-ma.   D. Việt Nam.

**Câu 34:** Hiện nay Việt Nam đã liên doanh với hãng HonDa của Nhật Bản phát triển sản xuất các ngành công nghiệp nào sau đây?

**A.** Xe máy, ô tô.B. Hóa chất, cơ khí.C. Điện tử, tin học.D. Cơ khí, đóng tàu.

**Câu 35:** Hiện nay công nghiệp khu vực Đông Nam Á đang phát triển theo hướng chú trọng sản xuất các mặt hàng xuất khẩu nhằm.

**A.** tích lũy vốn cho công nghiệp hóa.B. tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

C. phát huy thế mạnh kinh tế của khu vực.D. giải quyết việc làm cho lực lượng lao động.

**Câu 36:** Hiện nay cơ sở hạ tầng của các nước Đông Nam Á đang từng bước được hiện đại hóa nhằm

A. tích lũy vốn cho công nghiệp hóa.B. tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

C. phát huy thế mạnh kinh tế của khu vực.**D.** thu hút các nhà đầu tư nước ngoài.

**Câu 37:** Cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của các nước Đông Nam Á những năm gần đây chuyển dịch theo hướng

**A.** Giảm tỉ trọng khu vực I, tăng tỉ trọng khu vực II và III.

B. Giảm tỉ trọng khu vực I và khu vực II, tăng tỉ trọng khu vực III.

C. Tăng tỉ trọng khu vực I, giảm tỉ trọng khu vực II và III.

D. Tỉ trọng các khu vực không thay đổi nhiều.

**Câu 38:**  Quốc gia nào ở Đông Nam Á có tỉ trọng khu vực I trong cơ cấu GDP (năm 2004) còn cao?

**A.** Cam-pu-chia.B.In-đô-nê-xi-a.C. Phi-lip-pin.       D.Việt Nam.

**Câu 39:**  Một trong những hướng phát triển công nghiệp của các nước Đông Nam Á hiện nay là

A. Chú trọng phát triển sản xuất các mặt hàng phục vụ nhu cầu trong nước.

**B.** Tăng cường liên doanh, liên kết với nước ngoài.

C. Phát triển các ngành công nghiệp đòi hỏi nguồn vốn lớn, công nghệ hiện đại.

D. Ưu tiên phát triển các ngành truyền thống.

**Câu 40:** Trong những năm gần đây, ngành công nghiệp tăng nhanh và ngày càng trở thành thế mạnh của nhiều nước Đông Nam Á là

A. Công nghiệp dệt may, da dày.B. Công nghiệp khai thác than và khoáng sản kim loại.

**C.** Công nghiệp lắp ráp ô tô, xe máy, thiết bị điện tử.

D. Các ngành tiểu thủ công nghiệp phục vụ xuất khẩu.

**Câu 41:** Các nước Đông Nam Á có ngành khai thác dầu khí phát triển nhanh trong những năm gần đây là:

**A.** Bru-nây, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam.B. Xin-ga-po, In-đô-nê-xi-a, Cam-pu-chia.

C. Bru-nây, Ma-lai-xi-a, Thái Lan.D. In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Cam-pu-chia.

**Câu 42:**  Điểm tương đồng về phát triển nông nghiệp giữa các nước Đông Nam Á và Mĩ Latinh là

A. Thế mạnh về trồng cây lương thực.B. Thế mạnh về chăn nuôi gia súc lớn.

**C.** Thế mạnh về trồng cây công nghiệp nhiệt đới.D. Thế mạnh về trồng cây thực phẩm.

**Câu 43:**  Các cây trồng chủ yếu ở Đông Nam Á là:

**A.** Lúa gạo, cà phê, cao su, hồ tiêu, dừa.B. Lúa mì, cà phê, củ cải đường, chà là.

C. Lúa gạo, củ cải đường, hồ tiêu, mía.D. Lúa mì, dừa, cà phê, cacao, mía.

**Câu 44:** Ngành nào sau đây đặc trưng cho nông nghiệp Đông Nam Á?

A. Trồng cây công nghiệp, cây ăn quả.**B.** Trồng lúa nước.

C. Chăn nuôi trâu, bò, lợn, gà.D. Đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.

**Câu 45:** Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập vào năm

**A.**1967.B.1977.C. 1995.       D. 1997.

**Câu 47:** Đông Nam Á có khả năng thu hút đầu tư và hợp tác của các nước ngoài khu vực là nhờ

**A.** thị trường tiêu thụ lớn, tài nguyên phong phú, lao động dồi dào, giá lao động rẻ.

B. vị trí chiến lược, có khoa học kĩ thuật phát triển cao, nguồn lao động có tay nghề tốt.

C. giao thông vận tải dễ đi lại, tình hình xã hội ổn định.

D. môi trường đầu tư hấp dẫn do các nước hạ thấp tiêu chuẩn đầu tư.

**Câu 48:** Khả năng nào giúp Việt Nam thu hút được vốn đầu tư và hợp tác từ các nước ASEAN?

**A.** Có nhiều khoáng sản chiến lược, giá lao động rẻ, thị trường rộng lớn, chính trị ổn định.

B. Có nền quân sự mạnh, thị trường lớn, chính trị ổn định.

C. Có sản lượng lúa gạo nhiều, nguyên liệu rẻ, lao động có trình độ cao

D. Vị trí Việt Nam có tầm chiến lược, tiếp cận thị trường lớn số 1 thế giới

**Câu 49:** 5 nước đầu tiên tham gia thành lập ASEAN là:

**A.** Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Xin-ga-po.

B. Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Mi-an-ma, Phi-lip-pin, Xin-ga-po.

C. Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Mi-an-ma, Bru-nây, Xin-ga-po.

D. Thái Lan, Xin-ga-po , In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Việt Nam.

**Câu 50:** Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN vào năm

A.1967.       B.1984.**C.** 1995.D.1997.

**Câu 51:** Cho đến năm 2015, nước nào trong khu vực Đông Nam Á chưa gia nhập ASEAN?

**A.** Đông Ti-mo.B. Lào.C. Mi-an-ma.       D.Bru-nây.

**Câu 52:** Ý nào sau đây không phải là cơ sở hình thành ASEAN?

A. Có chung mục tiêu, lợi ích phát triển kinh tế.**B.** Sử dụng chung một loại tiền.

C. Do sức ép cạnh tranh giữa các khu vực trên thế giới.

D. Có sự tương đồng về địa lí, văn hóa, xã hội của các nước.

**Câu 54:** Ý nào sau đây không đúng khi nói về lí do các nước ASEAN nhấn mạnh đến sự ổn định trong mục tiêu của mình.

A. Vì mỗi nước trong khu vực ở mức độ khác nhau và tùy hứng thời kì đều chịu ảnh hưởng của sự mất ổn định.

B. Vì giữa các nước còn có sự tranh chấp phức tạp về biên giới, vùng biển đảo,…

C. Vì giữ ổn định khu vực sẽ không tạo lí do để các cường quốc can thiệp.

**D.** Khu vực đông dân, có nhiều thành phần dân tộc, tôn giáo và ngôn ngữ.

**Câu 55:** Thách thức lớn của Việt Nam khi gia nhập ASEAN là

**A.** chênh lệch về trình độ công nghệ, kinh tế.B. vẫn còn trình trạng đói nghèo.

C. thời gian gia nhập muộn trễ hơn các nước.D. thu nhập GDP bình quân đầu người thấp.

**Câu 56:** Nhận định nào sau đây không phải là mục tiêu hoạt động của ASEAN?

A. Đoàn kết, hợp tác vì một ASEAN hòa bình, ổn định.**B.** Xây dựng khu vực có nền kinh tế hòa bình.

C. Xây dựng một khu vực thương mại tự do.D. Thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của các nước thành viên.

**Câu 57:** Đối với ASEAN, việc xây dựng “khu vực thương mại tự do ASEAN” (AFTA) là việc làm thuộc

A. mục tiêu hợp tác.**B.** cơ chế hợp tác.C. thành tựu hợp tác.D. cơ hội hợp tác.

**Câu 58:** Nhân tố nào sau đây đã ảnh hưởng xấu tới môi trường đầu tư của các nước Đông Nam Á?

A. Đói nghèoB. Thất nghiệp, thiếu việc làm

C. Ô nhiễm môi trường **D.** Mất ổn định do vấn đề dân tộc, tôn giáo

**Câu 59:** Năm 2010, quốc gia nào là chủ tịch ASEAN?

A. Thái LanB. Campuchia **C.** Việt NamD. Xingapo

**Câu 60:** Cơ sở vững chắc cho sự phát triển kinh tế-xã hội ở mỗi quốc gia cũng như toàn khu vực ASEAN là

**A.** tạo dựng được một môi trường hòa bình, ổn định trong khu vực.

B. tốc độ tăng trưởng kinh tế của các nước trong khối khá cao.

C. đời sống nhân dân đã được cải thiện. D. hệ thống cơ sở hạ tầng phát triển theo hướng hiện đại hóa.

**Câu 61:** Trụ sở của ASEAN đặt tại

A. Băng-cốc.B. Cua-la-lăm-pơ.   C. Xin-ga-po. **D.** Gia-các-ta.

**Câu 62:** Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập tại

A. Xin-ga-po.**B.** Thái Lan.C. In-đô-nê-xi-a.D. Ma-lai-xi-a.

**Câu 63:** Một trong những cơ chế hợp tác của ASEAN là

A. tự do di chuyển.B. tự do lưu thông hàng hóa.

**C.** thông qua các diễn đàn, hiệp ước, dự án…D. sử dụng đồng tiền chung.

**Câu 64:** Mục tiêu khái quát các nước ASEAN cần đạt được là

A. xây dựng ASEAN thành khu vực có nền kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển.

B. giải quyết những khác biệt trong nội bộ khu vực.

C. thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục của các nước thành viên.

**D.** đoàn kết, hợp tác vì một ASEAN hòa bình, ổn định, cùng phát triển.

**Câu 65:** Mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang các nước trong khu vực ASEAN là

**A.** lúa gạo.B. xăng dầu.C. hàng điện tử.D. phân bón.

**Câu 66:** Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của Việt Nam trong khu vực ASEAN là

A. lúa gạo, thủy sảnB. thủy sản, ô tôC. ô tô, lúa gạo **D.** xăng dầu, hàng tiêu dùng.

**Câu 68:** Ý nào sau đây không phải là cơ chế hợp tác của ASEAN?

A. Thông qua các diễn đàn, hội nghị.B. Thông qua kí kết các hiệp ước.

C. Thông qua các dự án, chương trình phát triển.

**D.** Thông qua các chuyến thăm chính thức của các Nguyên thủ quốc gia.

**Câu 69:** Cơ sở vững chắc cho sự phát triển kinh tế – xã hội ở mỗi quốc gia cũng như toàn khu vực Đông Nam Á là

**A.** Tạo dựng môi trường hòa bình, ổn định trong khu vực.

B. Thu hút mạnh các nguồn đâu tư nước ngoài.C. Khai thác triệt để nguồn tài nguyên thiên nhiên.

D. Tăng cường các chuyến thăm lẫn nhau của các nhà lãnh đạo.

**Câu 70:**  Hiệp hội các nước Đông Nam Á có tên gọi tắt là

A. AFTA.B. AEC.**C.** ASEAN.D. APEC.

**Câu 71:**  Về kinh tế, Việt Nam xuất khẩu gạo sang các nước

A. In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin, Lào.B. Lào, In-đô-nê-xi-a, Thái Lan.

C. Cam-pu-chia, Thái Lan, Phi-líp-pin. **D.** In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin, Ma-lai-xi-a.

**Câu 72:**  Đâu không phải là cơ chế hợp tác của ASEAN?

A. Thông qua các diễn đàn.B. Thông qua các hiệp ước.

**C.** Thông qua tập trận quân sự.D. Thông qua các hội nghị.

**Câu 73:** Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ Việt Nam ngày càng có vai trò tích cực trong ASEAN?

A. Là quốc gia gia nhập ASEAN sớm nhất và có nhiều đóng góp trong việc mở rộng ASEAN.

B. Buôn bán giữa Việt Nam và ASEAN chiếm tới 70% giao dịch thương mại quốc tế củ nước ta.

**C.** Tích cực tham gia vào các hoạt động trong tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, … của khu vực.

D. Hằng năm, khách du lịch từ các nước ASEAN

**Câu 74:**  SEAGAMES là cơ chế hợp tác của ASEAN thông qua

A. các dự án, chương trình phát triển.B. việc kí kết các hiệp ước.

C. việc thông qua các diễn đàn. **D.** các hoạt động văn hóa, thể thao.

**Câu 75:** Giữ hòa bình, ổn định khu vực sẽ mang lại lợi ích nào sau đây?

A. Giảm chi phí cho quốc phòng.B. Nhân dân các nước dễ đi lại với nhau.

**C.**Nền kinh tế - xã hội của mỗi nước có điều kiện phát triển.

D. Tránh xảy ra chiến tranh với các nước ngoài khối.

**II. THỰC HÀNH**

- Nhận xét bảng số liệu, biểu đồ

- Nhận diện các dạng biểu đồ

- Một số công thức